

KNOWLEDGE, ATTITUDES AND BEHAVIORS TOWARDS CONTRACEPTIVE MEASURES OF FIRST-YEAR MEDICAL STUDENTS OF UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY - VNU-HANOI IN 2024

Dinh Thi Yen*, Bui Thuy Minh, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Thi Nguyet

*University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi -
144 Xuan Thuy, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam*

Received: 19/06/2025

Revised: 25/07/2025; Accepted: 09/10/2025

ABSTRACT

Objective: Describe the knowledge, attitudes and behaviors of using contraceptives of first-year medical students of the QH.2023.Y course, University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi, 2023 - 2024. **Subjects and methods:** First-year medical students of the QH.2023.Y course, University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi, sample size is 201.

Results: 100% of students know about condoms, followed by contraceptive pills (97.5%) and intrauterine devices (90.5%). Traditional contraceptives such as withdrawal and menstrual cycle calculation have lower awareness rates of 81.6% and 77.6%, respectively; in addition, spermicide contraceptives are least known with 33.3%. Most students agreed (56.2%) to strongly agreed (28.4%) that using safe contraceptive methods is the best choice for adolescents and young adults who have sex.

Conclusion: 100% of students participating in the study had knowledge about contraceptive methods. Students with good attitudes about contraceptive methods accounted for a low percentage of 23.9%. 47.1% of students practiced contraceptive methods successfully.

Keywords: Knowledge, attitude, behavior, contraceptive methods, students.

*Corresponding author

Email: yendinh263@gmail.com **Phone:** (+84) 967838088 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3657**



Kiến thức, Thái độ và Hành vi Về Biện pháp Tránh thai của Sinh viên Y khoa Năm thứ Nhất Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2024

Đinh Thị Yến*, Bùi Thúy Minh, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Nguyệt

Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, P. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 19/06/2025

Ngày sửa: 25/07/2025; Ngày đăng: 09/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức và thái độ và hành vi sử dụng biện pháp tránh thai của sinh viên y khoa năm nhất khoá QH.2023.Y, Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2023 – 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: SV Y khoa năm nhất khóa QH.2023.Y, Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, cỡ mẫu là 201. Kết quả: 100% SV biết đến BTPP BCS, tiếp đến là thuốc tránh thai (97,5%) và dụng cụ tử cung (90,5%). Các BTPP truyền thống như xuất tinh ngoài âm đạo, tính vòng kinh có tỷ lệ biết đến ít hơn lần lượt là 81,6%, 77,6%; ngoài ra BTPP bằng thuốc diệt tinh trùng được biết đến ít nhất với 33,3%. Phần lớn các bạn SV đồng ý (56,2%) đến rất đồng ý (28,4%) rằng sử dụng BPTT an toàn là sự lựa chọn tốt nhất dành cho VTN&TN có QHTD.

Kết luận: 100% sinh viên tham gia nghiên cứu đều có kiến thức về biện pháp tránh thai. Sinh viên có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai chiếm tỷ lệ thấp với 23,9%. Có 47,1% tỷ lệ sinh viên thực hành đạt về biện pháp tránh thai.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, hành vi, biện pháp tránh thai, sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng vị thành niên/thanh niên Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục: quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục không an toàn, mang thai ngoài ý muốn, mắc các nhiễm khuẩn, các bệnh lây truyền liên quan đến đường tình dục, nạo phá thai không an toàn, lạm dụng chất gây nghiện,... Năm 2019, tổng dân số Việt Nam đạt 96,2 triệu người, đông dân thứ 15 trên thế giới và thứ 3 Đông Nam Á. Trong đó có 13.181.920 người trong độ tuổi từ 15-24 (chiếm 13,7%), sinh viên (độ tuổi 18-25 tuổi) chiếm 11,26% [1]. Theo Điều tra các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển bền vững về Trẻ em và Phụ nữ Việt Nam 2020 - 2021: các kết quả về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho biết các thông điệp về hành vi tình dục như sau: tỷ lệ nữ thanh niên 15-24 tuổi quan hệ tình dục trong 12 tháng qua là khoảng 28%, tỷ lệ với nam thanh niên là 22%. Đa số phụ nữ tự đưa ra quyết định về quan hệ tình dục (84,8%) và sử dụng biện pháp tránh thai (70,7%) [2]. Như nghiên cứu của tác giả

Nguyễn Thanh Phong đã chỉ ra rằng chỉ có 10.1% sinh viên có kiến thức tránh thai đạt loại tốt, tỷ lệ sinh viên có thái độ loại chưa tốt về các biện pháp tránh thai là 89,5% và chỉ có 31,6% sinh viên đã quan hệ tình dục có thực hành tốt về các biện pháp tránh thai [3]. Việc giáo dục, tuyên truyền về sức khỏe sinh sản nói chung và biện pháp tránh thai nói riêng là hết sức cần thiết cho lứa tuổi sinh viên đặc biệt là khối ngành sức khỏe - những người chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong tương lai. Chúng tôi tiến hành “Kiến thức, thái độ và hành vi về biện pháp tránh thai của sinh viên Y khoa năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2024” với 2 mục tiêu sau: Mô tả kiến thức và thái độ về biện pháp tránh thai của sinh viên y khoa năm nhất khoá QH.2023.Y, Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2023 – 2024. Mô tả hành vi sử dụng biện pháp tránh thai của sinh viên y khoa năm nhất khoá QH.2023.Y, Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2023 – 2024.

*Tác giả liên hệ

Email: yendinh263@gmail.com Điện thoại: (+84) 967838088 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD17.3657>

2. PHƯƠNG PHÁP VÀ NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn:

+ SV Y khoa năm nhất khóa QH.2023.Y, đang theo học tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội trong thời gian nghiên cứu.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Các SV không đồng ý tham gia với bất cứ lý do nào.

- Cỡ mẫu được lấy thuận tiện không xác suất: lấy toàn bộ các đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn và không vi phạm tiêu chuẩn loại trừ, phát toàn bộ số phiếu tối đa là 217 cho SV khóa QH.2023.Y để loại trừ tỷ lệ theo tiêu chuẩn loại trừ thu được 201 phiếu hợp lệ. Tỷ lệ phản hồi là 92,6%.

Cỡ mẫu $n = 201$.

Thời gian nghiên cứu: Từ ngày 11 tháng 3 năm 2024 đến 31 tháng 3 năm 2024.

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Mô tả cắt ngang, lấy mẫu thuận tiện.

Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên bộ câu hỏi của tác giả Nguyễn Thanh Phong và các tài liệu y văn của Bộ Y Tế. Bộ câu hỏi gồm 77 câu hỏi được chia làm bốn phần: (1) Các đặc điểm chung của ĐTNC: 9 câu, (2) Kiến thức về các BPTT bao gồm kiến thức về BCS, TTT khẩn cấp và TTT hằng ngày: 34 câu, (3) Thái độ về các BPTT bao gồm thái độ về BSC, VTTT khẩn cấp và VTTT hằng ngày: 23 câu, (4) Thực hành về các BPTT bao gồm việc thực hành sử dụng các BPTT: 11 câu.

2.3. Đánh giá kiến thức về BPTT

Bộ câu hỏi về BPTT gồm 34 câu, với mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai không có điểm, tính tổng điểm của 34 câu và đánh giá theo thang điểm dưới đây. Thang điểm đánh giá kiến thức cụ thể như sau:

TT	Phân loại kiến thức	Số điểm kiến thức (Điểm tối đa 68 điểm)
1	Tốt ($\geq 80\%$)	$\geq 54,4$
2	Trung bình ($60\% < 80\%$)	$40,8 < 54,4$
3	Yếu ($\leq 60\%$)	$\leq 40,8$

2.4. Đánh giá về thái độ

Dựa vào 23 câu hỏi về thái độ; mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang điểm Likert (1- Rất đồng ý; 2- Đồng ý; 3- Không chắc chắn; 4- Không đồng ý; 5-

Rất không đồng ý). Các câu trả lời của mỗi câu hỏi được cho điểm từ 1 đến 5, Tính tổng điểm của 23 câu hỏi, sau đó đánh giá thái độ theo thang điểm cụ thể như sau:

TT	Phân loại thái độ	Số điểm thái độ (Điểm tối đa 115 điểm)
1	Tốt ($\geq 80\%$)	≥ 92
2	Chưa tốt ($<80\%$)	< 92

2.5. Đánh giá về thực hành

Dựa vào 07 câu hỏi về thực hành; mỗi hành vi đúng được 1, 2 hoặc 3 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời được 0 điểm. Tính tổng điểm của 07 câu, sau đó đánh giá thực hành theo thang điểm cụ thể như sau:

TT	Phân loại thực hành	Số điểm thực hành (Điểm tối đa 15 điểm)
1	Tốt ($\geq 80\%$)	≥ 12
2	Chưa tốt ($<80\%$)	< 12

Bộ câu hỏi sau khi hoàn chỉnh đã được thử nghiệm trên 20 SV để đánh giá về thời gian cần thiết để hoàn thành bộ câu hỏi, mức độ dễ hiểu và ghi nhận các đóng góp ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp. Kết quả thử nghiệm: 20/20 SV, chỉ số Cronbach's alpha = 0.7.

- Xử trí số liệu bằng phần mềm SPSS 27.0.

3. KẾT QUẢ

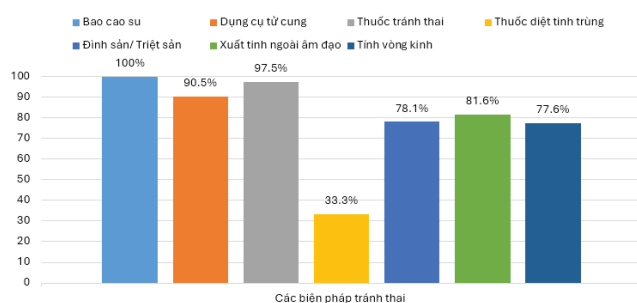
3.1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Một số đặc điểm chung về ĐTNC

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	19	186	92,5
	20	13	6,5
	21	2	1,0
	Độ tuổi trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn: $19,08 \pm 0,313$		
Giới	Nam	102	50,7
	Nữ	99	49,3
Người yêu	Đang có	37	18,4
	Đã từng có	41	20,4
	Chưa có	123	61,2

Nhận xét: Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $19,08 \pm 0,313$ tuổi; tỷ lệ SV nam 50,7%, nữ chiếm 49,3%. Có 61,2% SV chưa có người yêu, 18,4% SV đang có người yêu và 20,4% SV đã từng có người yêu.

3.2. Kiến thức về các biện pháp tránh thai

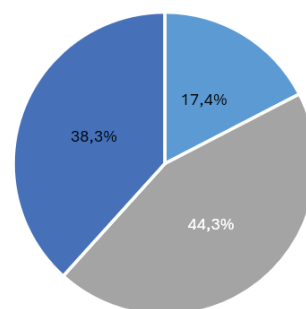


Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên biết các biện pháp tránh thai

Nhận xét: 100% SV biết đến BTPP BCS, tiếp đến là thuốc tránh thai (97,5%) và dụng cụ tử cung (90,5%).

3.3. Đánh giá kiến thức về biện pháp tránh thai của sinh viên

■ Kiến thức tốt ■ Kiến thức đạt ■ Kiến thức chưa đạt



Biểu đồ 2. Đánh giá kiến thức của sinh viên

Nhận xét: Có 17,4% SV có kiến thức tốt về BPTT, 38,3% SV có kiến thức về BPTT ở mức đạt.

3.4. Thái độ của sinh viên về biện pháp tránh thai

Bảng 2. Thái độ chung của sinh viên về biện pháp tránh thai

Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc chắn	Đồng ý	Rất đồng ý
Không có BPTT nào hiệu quả tuyệt đối	8 4%	9 4,5%	14 7%	118 58,7%	52 25,9%
Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ	5 2,5%	12 6,0%	57 28,4%	107 53,2%	20 10%
Sử dụng BPTT an toàn là sự lựa chọn tốt nhất cho VTN&TN có QHTD	8 4,0%	4 2,0%	19 9,5%	113 56,2%	57 28,4%
Một bạn VTN&TN mang BPTT theo người là việc xấu	71 35,3%	86 42,8%	28 13,9%	9 4,5%	7 3,5%
Các bạn VTN&TN chỉ nên tìm hiểu về các BPTT khi QHTD	79 39,3%	81 40,3%	18 9,0%	13 6,5%	10 5,0%
VTN&TN cần phải được trang bị kiến thức về các BPTT	8 4,0%	2 1,0%	14 7,0%	75 37,5%	102 50,7%
Sử dụng BPTT khi QHTD sẽ không chứng tỏ được tình yêu đích thực	113 56,3%	54 26,9%	19 9,5%	10 5,0%	5 2,5%
VTN&TN rất khó sử dụng BPTT cho lần đầu quan hệ với người yêu/bạn tình	45 22,4%	52 25,9%	71 35,3%	28 13,9%	5 2,5%

Nhận xét: 50,7% SV đồng ý rằng “ VTN&TN cần phải được trang bị kiến thức về các BPTT”; 56,3% SV rất không đồng ý với ý kiến “Sử dụng BPTT khi QHTD sẽ không chứng tỏ được tình yêu đích thực”.

3.5. Đánh giá thái độ của sinh viên về các biện pháp tránh thai

Bảng 3. Điểm đánh giá về thái độ

TT	Số lượng (n=201)	Tần số
Thái độ tốt ≥ 92	48	23,9
Thái độ chưa tốt ≤ 92	153	76,1
Điểm trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn	84,31 $\pm$ 10,016	

Nhận xét: Có 23,9% SV có thái độ tốt về các BPTT; tỷ lệ SV có thái độ chưa tốt về BPTT là 76,1%.

3.6. Thực hành về biện pháp tránh thai

Bảng 4. Bảng điểm thực hành của sinh viên

TT	Số lượng (N=17)	Tần số
Thực hành tốt ≥ 12	8	47,1
Thực hành chưa tốt ≤ 12	9	52,9
Điểm trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn	13,88 $\pm$ 0,641	

Nhận xét: Tổng điểm trung bình về thực hành của sinh viên là 13,88 $\pm$ 0,641. Độ lệch chuẩn 0,641 cho thấy số điểm của các bạn sinh viên phân bố khá gần nhau và gần với điểm trung bình là 13,88 đã đạt điểm mức điểm thực hành tốt.

Nhận xét: Có 47,1% SV đạt thực hành tốt về BPTT, tỷ lệ SV thực hành chưa tốt là 52,9%. Nhìn chung các bạn sinh viên có sự thực hành tương đối tốt về biện pháp tránh thai.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về biện pháp tránh thai

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 100% SV tham gia nghiên cứu biết ít nhất 1 BPTT, số BPTT trung bình mà SV biết là 3,76 $\pm$ 0,577. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Dr. Pooja Jain và các cộng sự tiến hành năm 2024 có 91,7% (286/312) biết về các loại tránh thai [4]. Biểu đồ 3.2. cho biết 100% SV biết đến BTPP BCS, tiếp đến là thuốc tránh thai (97,5%) và dụng cụ tử cung (90,5%). Kết quả này cũng cao hơn kết quả của nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự tại các trường cao đẳng/ đại học trên địa bàn Hà Nội năm 2017 với 02 BPTT được SV biết đến nhiều nhất là BCS (89,2%), thuốc tránh thai (83%) [3]. Sự khác biệt này do ngày nay sự quan tâm của xã hội về các vấn đề giới tính, giáo dục giới tính cao nên cơ hội các bạn SV tiếp xúc với các thông tin về BPTT là rất lớn.

Hầu hết SV tham gia nghiên cứu biết hậu quả khi sử dụng BPTT sai hướng dẫn như: có thể có thai ngoài ý

muốn (98,0%); mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục (96,0%); lây nhiễm HIV/AIDS (93,5%); Hậu quả ít được biết đến nhất là gây rối loạn kinh nguyệt (58,7%); tỷ lệ này thấp hơn so với các nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam: tại Namibia, 69,1% người tham gia xác định kinh nguyệt không đều là tác dụng phụ có thể xảy ra liên quan đến việc sử dụng thuốc tránh thai [5] hay 87,4% SV tham gia nghiên cứu tại Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng biết dùng VTTT khẩn cấp có thể gây rối loạn kinh nguyệt [6].

Nhìn chung mặc dù các bạn SV trong nghiên cứu đã có kiến thức nền tảng nhất định về các BPTT song vẫn còn tỷ lệ nhất định 17.4% sinh viên chưa có kiến thức đạt. Vì vậy trong quá trình học tập cần phải có nhiều giải pháp để có thể nâng cao hiểu biết cho SV.

4.2. Thái độ về biện pháp tránh thai

Phần lớn các bạn SV đồng ý (56,2%) đến rất đồng ý (28,4%) rằng sử dụng BPTT an toàn là sự lựa chọn tốt nhất dành cho VTN&TN có QHTD cho thấy niềm tin của các bạn SV về các BPTT hiện đại là rất lớn. Tỷ lệ này là cao hơn so với một số nghiên cứu trên thế giới: khoảng một nửa (50,8%) số sinh viên cho biết thích sử dụng biện pháp tránh thai hơn là phá thai [7], Đa số các bạn SV (88,2%) đồng ý/rất đồng ý rằng cần kiến thức về BPTT cần phải được trang bị càng sớm càng tốt. Điều này cho thấy rằng SV hiện nay có thái độ rất tích cực tìm hiểu và mong muốn trau dồi kiến thức về BPTT.

Kết quả nghiên cứu về thái độ của các bạn SV có 23,9% SV có thái độ tốt về các BPTT, khá tương đồng với nghiên cứu tại đại học Duy Tân năm 2020 (23,4%) [8] và thấp hơn một chút so với nghiên cứu của tác giả Võ Thị Thùy Linh tại Đại học Trà Vinh năm 2023 (27,9%) [9]. Điểm trung bình thái độ về BPTT của các bạn SV là 84,31 $\pm$ 10,016; điểm này ở mức chưa đạt; độ lệch chuẩn 10,016 cũng thể hiện phản ứng của các bạn SV khi được hỏi cùng một câu là khác nhau khá lớn. Điều này có thể do các bạn chưa chắc chắn về sự hiểu biết và kiến thức của mình về các BPTT nên khi được bày tỏ quan điểm, các bạn đều rụt rè và đa số chọn mức phản ứng trung bình như “không chắc chắn” hay thể hiện sự “đồng ý” hay “không đồng ý” chứ không chọn các đáp án có sự tuyệt đối.

4.3. Thực hành về biện pháp tránh thai

Kết quả trong nghiên cứu cho thấy có 8,5% SV đã QHTD, SV nam chiếm 70,6%. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu mới đây tại Ấn Độ của Dr. Pooja Jain năm 2024, có 120/312 SV đã QHTD chiếm 40,4% [4]. Điều này có thể lý giải vì độ tuổi ĐTN của chúng tôi còn nhỏ đa số là 19 tuổi trong khi độ tuổi dao động của nghiên cứu tại Ấn Độ giao động từ 18 đến 28 tuổi. Hơn nữa giữa hai địa điểm nghiên cứu cũng có sự khác nhau về văn hóa, tôn giáo, quan điểm sống.

Trong nghiên cứu của chúng tôi có 70,6% SV có sử dụng BPTT cho lần QHTD đầu tiên. Các BTPP được sử dụng là BCS, VTTT khẩn cấp và thuốc uống

tránh thai hàng ngày với tỷ lệ lần lượt là: 58,8%, 11,8%, 5,9%; 11,8% SV không sử dụng BPTT cho lần QHTD đầu tiên. Kết quả trên là cao hơn khi so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong năm 2017, có 224/437 SV (51,3%) sử dụng BPTT trong lần quan hệ đầu tiên, 138 SV chọn lựa biện pháp BCS (31,6%) và 62 SV sử dụng VTTT khẩn cấp (14,2%) [3]. Và kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu tại Ấn Độ: các phương pháp phổ biến nhất của BTPP được học sinh sử dụng là BCS (người dùng trước đây 70% và người dùng hiện tại 81%), tiếp theo là thuốc tránh thai kết hợp và BCS (17%) [4].

Bảng 5 cho kết quả có 47,1% SV đạt thực hành tốt về BPTT, tỷ lệ SV thực hành chưa tốt là 52,9%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của tác giả Đỗ Lan Phương chỉ có 27,5% SV thực hành đạt [10]; kết quả này cũng cho thấy tỷ lệ sinh viên thực hành tốt khá tương đồng với tỷ lệ sinh viên có kiến thức về BPTT từ đạt trở lên. Đây là dấu hiệu đáng mừng khi các bạn biết áp dụng kiến thức vào thực tế để bảo vệ sức khỏe các nhân, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục sức khỏe để có thêm nhiều bạn có kiến thức, thái độ và thực hành tốt về BPTT nói riêng và bảo vệ sức khỏe sinh sản nói chung.

5. KẾT LUẬN

Tất cả sinh viên tham gia nghiên cứu đều có kiến thức về biện pháp tránh thai. Tổng 61,7% sinh viên có điểm đánh giá kiến thức chung về biện pháp tránh thai từ đạt đến tốt.

Phần lớn các bạn sinh viên đồng ý (56,2%) đến rất đồng ý (28,4%) rằng sử dụng biện pháp tránh thai an toàn là sự lựa chọn tốt nhất dành cho vị thành niên/ thanh niên có quan hệ tình dục.

Tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai thấp với 23,9%.

Tỷ lệ sinh viên thực hành đạt về biện pháp tránh thai là 47,1%.

6. KIẾN NGHỊ

Nhà trường có thể xây dựng, tổ chức các buổi ngoại khóa, tư vấn – giáo dục sức khỏe cho sinh viên nhằm cung cấp các kiến thức đúng về các biện pháp tránh thai

Tổ chức các buổi tư vấn, hướng dẫn sử dụng các biện pháp tránh thai và các cách xử trí khi sử dụng biện pháp tránh thai thất bại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Thống kê (2019), Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [2] Viet Nam SDGCW 2020-2021, HIV và hành vi tình dục
- [3] Nguyễn Thanh Phong (2017), Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về BTPP của SV một số trường đại học/cao đẳng Thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp, Luận án Tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội
- [4] Dorji T, Wangmo K, Tshering D, Tashi U, Wangdi K (2022) Knowledge and attitude on sexually transmitted infections and contraceptive use among university students in Bhutan. PLoS ONE 17(8): e0272507.
- [5] Mutsindikwa, T., Ashipala, D. O., Tomas, N., & Endjala, T. (2019). Knowledge, Attitudes and Practices of Contraception among tertiary students at the University Campus in Namibia. Glob. J. Health Sci, 11, 180.
- [6] Nguyễn Tấn Thạch, Nguyễn Thị Phương Trinh, Nguyễn Thị Mỹ Hiếu, Lê Thọ Minh Hiếu, Nguyễn Thị Tường Vi, Hoàng Thị Nam Giang (2022), Kiến thức về các biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan ở SV khối ngành khoa học sức khỏe, TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG, VOL. 21, NO. 7, 2023
- [7] Kara, W. S. K., Benedicto, M., & Mao, J. (2019). Knowledge, attitude, and practice of contraception methods among female undergraduates in Dodoma, Tanzania. Cureus, 11(4). DOI: 10.7759/cureus.4362
- [8] Võ Thị Kiều Mi, Đậu Thị Thanh Hằng, Trần Thanh Ngân, Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Đình Tùng(2020), Kiến thức, thái độ và hành vi về sức khỏe sinh sản của SV nữ khối Khoa học sức khỏe, Trường Đại học Duy Tân, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân 03(40) (2020) 121-136
- [9] Võ Thị Thùy Linh, (2023) Thái độ về một số BTPP và các yếu tố liên quan của SV khoa Y - Dược, Trường Đại học Trà Vinh, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh, tập 13, số chuyên đề (2023), DOI: 10.35382/TVU-JS.13.5.2023.147
- [10] Đỗ Lan Phương (2020), Kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe sinh sản của SV Học viện Y học cổ truyền Việt Nam năm 2020 và một số yếu tố liên quan, Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Thăng Long.